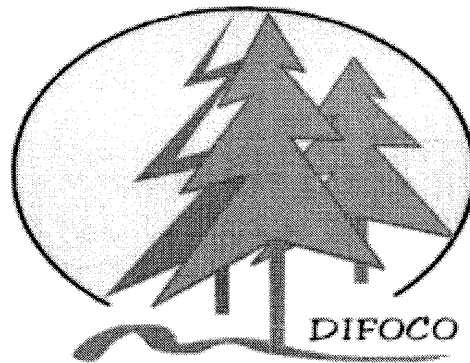


**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH**

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP TẠI CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH
02 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP TẠI CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH
02 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Người thực hiện: Nguyễn Duy Hùng

Di Linh, tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP

(02 tháng đầu năm 2026)

- Căn cứ nội dung các nguyên tắc, tiêu chí của FSC;

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động lâm nghiệp 02 tháng đầu năm 2026 với những nội dung như sau:

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- Tên Công ty: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

- Tên gọi tắt: CÔNG TY LÂM NGHIỆP DI LINH

- Tên giao dịch quốc tế: DI LINH FOREST COMPANY LIMITED

- Tên viết tắt: DIFOCO.

- Địa chỉ văn phòng: Km 93, quốc lộ 28, Thôn K'Long Trao II - xã Di Linh – tỉnh Lâm Đồng.

- Điện thoại: 0263.3870341. Fax: 0263.3870341.

- Email: ctylamnghiepdilinh@yahoo.com.vn.

- Chủ sở hữu: UBND tỉnh Lâm Đồng.

- Diện tích quản lý:

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, Công ty đang quản lý 24.520,32 ha đất thuộc địa bàn các xã: Di Linh, Sơn Điền và một phần xã Hoà Bắc. Trong đó:

+ Đất rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu: 2.172,52 ha;

+ Đất rừng sản xuất: 22.223,20 ha;

+ Đất nằm ngoài 03 loại rừng: 124,60 ha.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay:

+ Bộ máy quản lý Công ty gồm:

HĐTV Công ty: 05 người. Trong đó: Chủ tịch HĐTV: 01 người, Thành viên HĐTV: 04 người.

Giám đốc: 01 người;

Phó Giám đốc: 01 người;

Kế toán trưởng: 01 người;

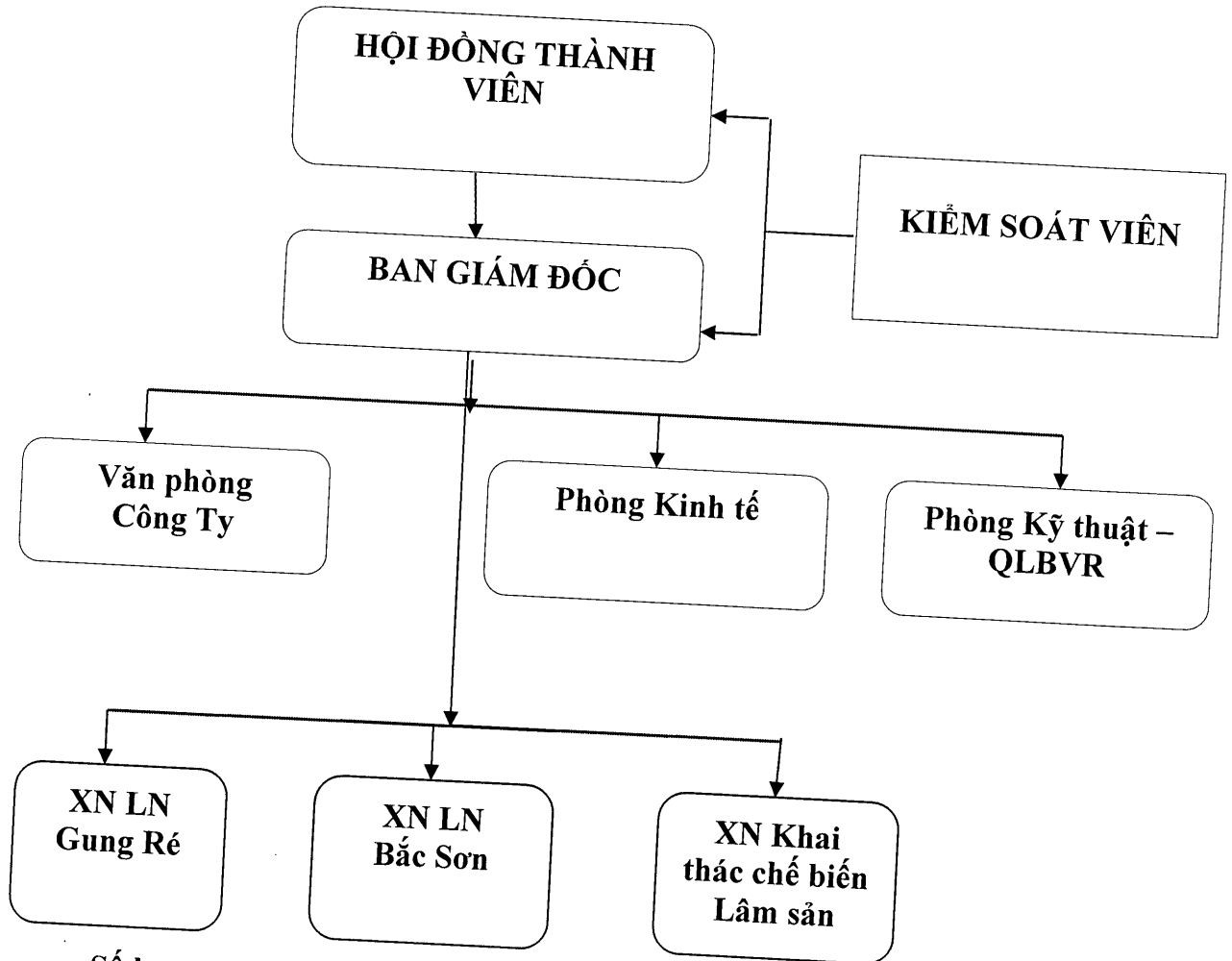
Kiểm soát viên: 01 người.

+ Các phòng chức năng: Văn phòng; Phòng Kinh tế; Phòng Kỹ thuật – Quản lý bảo vệ rừng (KT-QLBVR).

+ Các Xí nghiệp trực thuộc: 02 Xí nghiệp Lâm nghiệp (Gung Ré, Bắc Sơn) và Xí nghiệp Khai thác - Chế biến lâm sản.

+ Cơ chế hoạt động của Công ty như sau: Công ty hoạt động theo hệ thống cơ cấu tổ chức trực tuyến – chức năng. Các đơn vị trực thuộc gồm 03 Xí nghiệp và 03 phòng nghiệp vụ.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



- Số lượng Công nhân, viên chức

Tổng số cán bộ quản lý và người lao động đến 28/02/2026: 78 người (nam 66 người; nữ 12 người). Cụ thể:

+ Người quản lý doanh nghiệp chuyên trách: 04 người (01 Chủ tịch HĐQT, 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc, 01 Kế toán trưởng) và 01 Kiểm soát viên.

+ Số lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 72 người.

+ Số lao động tạm hoãn hợp đồng lao động: 05 người.

+ Số lao động ký hợp đồng lao động xác định thời hạn: 01 người.

+ Số lao động ký hợp đồng lao động mùa vụ, theo công việc dưới 12 tháng: 0 người.

+ Số lao động chưa thực hiện ký hợp đồng lao động: 0 người.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP

1. Trồng rừng, chăm sóc rừng trồng các năm và PCCCR rừng trồng:

TT	Hạng mục	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	
1	Chỉ tiêu Trồng rừng, chăm sóc, PCCCR và các nội dung liên quan			
1.1	Trang thiết bị (máy móc...), vật liệu (cây con...)	x		Hoạt động tốt
1.2	Diện tích trồng rừng: 0 ha	x		Đúng hồ sơ thiết kế
1.3	Diện tích chăm sóc rừng trồng: 0 ha	x		Đúng hồ sơ thiết kế
1.4	Diện tích làm giảm vật liệu cháy rừng trồng: 79,90 ha	x		Đúng hồ sơ thiết kế
1.5	Diện tích PCCCR 5 tháng: 0 ha	x		Đúng hồ sơ thiết kế
1.6	Đường ranh cản lửa: 7,70 ha	x		Đúng hồ sơ thiết kế
1.7	Kỹ thuật thi công	x		Đúng kỹ thuật
2	Tác động xã hội	x		Có hợp đồng lao động
2.1	Số lao động sử dụng: 8 người	x		Có hợp đồng lao động
2.2	Tổng số công: 332 công	x		Phù hợp
2.3	Số tiền/công: 350.000đ/công	x		Phù hợp
2.4	Số người được tập huấn kỹ thuật: 8 người	x		Phù hợp
2.5	Số người bị tai nạn lao động: 0	x		Thực hiện tốt an toàn lao động
2.6	Bảo hộ lao động (Quần, áo, mũ, Găng tay.....):	x		Trang bị đầy đủ
2.7	Tủ thuốc, thuốc y tế:	x		Trang bị đầy đủ
2.8	Vệ sinh, an toàn lao động:			Thực hiện tốt
3	Tác động môi trường			
3.1	Tiếng ồn: 1	x		Xảy ra ở mức độ thấp, thời gian ngắn, không ảnh hưởng đến môi trường.
3.2	Khói, bụi: 1	x		Xảy ra ở mức độ thấp, thời gian ngắn, không ảnh hưởng đến môi trường.
3.3	Bồi lấp nguồn nước: 1	x		Xảy ra trong mùa mưa, ở mức độ thấp, thời gian ngắn, đã được xử lý không ảnh hưởng đến môi

TT	Hạng mục	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	
				trường.
3.4	Thay đổi màu sắc, chất lắng đọng:	x		
3.5	Xói mòn đất: :1			Xảy ra trong mùa mưa, ở mức độ thấp, thời gian ngắn, đã được xử lý không ảnh hưởng đến môi trường.
3.6	Sạt lở đất:	x		Không xảy ra
3.7	Độ chặt của đất: Xảy ra tại vị trí bãi gỗ	x		Đã được xử lý không ảnh hưởng đến môi trường.
3.8	Sự cố tràn dầu	x		Không xảy ra
3.9	Khu rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF)	x		Không thuộc hoặc giáp với khu vực rừng HCVF
3.1 0	Xử lý rác thải	x		Đặt bao đựng rác thải và thu gom về bãi rác xử lý.

2. Quản lý bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng trên toàn bộ lâm phần:

TT	Hạng mục	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	
1	<i>Chỉ tiêu quản lý và tình hình vi phạm lâm luật và các nội dung liên quan</i>			
	Tổng diện tích quản lý: 24.520,32 ha			
	Tổng số vụ vi phạm: 0 vụ	x		Không xảy ra
1.1	Lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái phép: 0	x		Không xảy ra
1.2	Phá rừng trái pháp luật: 0 vụ	x		Không xảy ra
1.3	Khai thác lâm sản trái phép: 0 vụ	x		Không xảy ra
1.4	Vận chuyển lâm sản trái phép: 0 vụ	x		Không xảy ra
1.5	Cắt giữ lâm sản trái phép: 0 vụ	x		Không xảy ra
1.6	Săn bắt động vật rừng trái phép:	x		Không xảy ra
1.7	Cháy rừng:	x		Không xảy ra
1.8	Sạt lở, xói mòn đất:	x		Không xảy ra
1.9	Sâu bệnh hại:	x		Không xảy ra
1.10	Rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF4, HCVF5, HCVF6):			

TT	Hạng mục	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	
HCVF 4	Rừng cấp nước sạch:	x		Bảng hiệu vẫn còn duy trì. Không có tác động xấu đến khu vực.
	Rừng phòng hộ:	x		Bảng hiệu vẫn còn duy trì. Không có tác động xấu đến khu vực
	Hành lang bảo vệ sông suối	x		Bảng hiệu vẫn còn duy trì. Không có tác động xấu đến khu vực
HCVF 5	Khu vực hái rau bép	x		Bảng hiệu vẫn còn duy trì. Không có tác động xấu đến khu vực
	Khu vực lấy củi	x		Bảng hiệu vẫn còn duy trì. Không có tác động xấu đến khu vực
HCVF 6	Rừng thiêng (Rừng cúng)	x		Bảng hiệu vẫn còn duy trì. Không có tác động xấu đến khu vực
	Nghĩa địa:	x		Bảng hiệu vẫn còn duy trì. Không có tác động xấu đến khu vực
1.11	Ô tiêu chuẩn rừng trồng: 48 OTC (Bị tác động do tía thừa, khai thác trắng rừng trồng: 09 OTC	x		Đã tiến hành đo lại các chỉ tiêu lâm học trong OTC rừng trồng; Lập OTC mới do tác động của TT.
1.12	Ô tiêu chuẩn rừng tự nhiên: 22 ô tiêu chuẩn	x		Không bị tác động
2	Sử dụng lao động và tác động xã hội			
2.1	Số lao động sử dụng (bao gồm cả hộ nhận khoán và nhân viên QL BVR): 262 người.	x		Có hợp đồng lao động
2.2	Tổng số công: 3.308 công	x		Phù hợp
2.3	Số tiền/công (Trung bình): 350.000 đ/công	x		Phù hợp
2.4	Số người được tập huấn kỹ thuật: 56 người.	x		Phù hợp
2.5	Hợp tuyên truyền	x		Hàng quý theo từng thôn
2.6	Số người bị tai nạn lao động:	x		Không xảy ra
2.7	Bảo hộ lao động (Quần, áo, mũ,	x		Trang bị đầy đủ

TT	Hạng mục	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	
	giày.....):			
2.8	Tủ thuốc, thuốc y tế:	x		Trang bị đầy đủ
2.9	Vệ sinh, an toàn lao động:	x		Thực hiện tốt
3	Tác động môi trường			
3.1	Tiếng ồn	x		Xảy ra ở mức độ thấp, thời gian ngắn, không ảnh hưởng đến môi trường
3.2	Khói, bụi	x		Xảy ra ở mức độ thấp, thời gian ngắn, không ảnh hưởng đến môi trường
3.3	Bồi lấp nguồn nước	x		Không xảy ra
3.4	Thay đổi màu sắc, chất lỏng đọng:	x		Không xảy ra
3.5	Xói mòn đất:	x		Xảy ra ở mức độ thấp, thời gian ngắn, đã được xử lý không ảnh hưởng đến môi trường
3.6	Sạt lở đất:	x		Không xảy ra
3.7	Độ chặt của đất:	x		Xảy ra ở mức độ thấp, thời gian ngắn, không ảnh hưởng đến môi trường
3.8	Sự cố tràn dầu	x		Không xảy ra
3.9	Khu rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF):	x		Quản lý bảo vệ tốt
3.10	Xử lý rác thải	x		Có trang bị bao đựng rác thải và đưa về bãi tập trung xử lý.

3. Khai thác lâm sản ngoài gỗ:

TT	Hạng mục	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	
1	Chỉ tiêu khai thác lâm sản ngoài gỗ			
1.1	Trang thiết bị	X		Đúng theo quy định
1.2	Diện tích khai thác nhựa thông: 120 ha	X		Đúng hồ sơ thiết kế
1.3	Sản lượng nhựa thông: 12.834,30 tấn	X		Đúng hồ sơ thiết kế
1.4	Làm đường vận xuất: không rả sủ:	X		Đúng hồ sơ thiết kế

TT	Hạng mục	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	
1.5	Kỹ thuật thi công: Đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành, đảm bảo tiêu chuẩn FSC®	X		Đã tận dụng tối đa lâm sản ngoài gỗ
2	Sử dụng lao động và tác động xã hội			
2.1	Số lao động sử dụng: 24 người	X		Có hợp đồng kinh tế
2.2	Tổng số công: 680 công.	X		Phù hợp
2.3	Số tiền/công: 350.000đ	X		Phù hợp
2.4	Số người được tập huấn kỹ thuật: 15 người.	X		Phù hợp
2.5	Số người bị tai nạn lao động: Không	X		Không có
2.6	Bảo hộ lao động (Quần, áo, mũ, Găng tay.....):	X		Phù hợp
2.7	Tủ thuốc, thuốc y tế:	X		Trang bị đầy đủ
2.8	Vệ sinh, an toàn lao động:	X		Thực hiện tốt
3	Tác động môi trường			
3.1	Tiếng ồn: 1	X		Xảy ra ở mức độ thấp, thời gian ngắn, không ảnh hưởng đến môi trường
3.2	Khói, bụi: 1	X		Xảy ra ở mức độ thấp, thời gian ngắn, không ảnh hưởng đến môi trường
3.3	Bồi lấp nguồn nước:	X		Không xảy ra
3.4	Thay đổi màu sắc, chất lắng đọng:	X		Không xảy ra
3.5	Sạt lở đất:	X		Không xảy ra
3.6	Sự cố tràn dầu:	X		Không xảy ra
3.7	Khu rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF):	X		Không có
3.8	Xử lý rác thải: Thực hiện đúng quy định	X		Quá trình thực hiện có đặt bao đựng rác thải và thu gom về bãi rác xử lý.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Tác động xã hội

1.1. Nhận xét, đánh giá

Các hoạt động lâm nghiệp của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh nhìn chung có những tác động tích cực đối với xã hội, cụ thể như sau:

1.1.1. Tác động xã hội nội bộ

- Công ty đã tạo việc làm ổn định cho người lao động, đồng thời luôn quan tâm đến điều kiện làm việc, vệ sinh và an toàn lao động.

- Nhân viên làm việc tại Công ty cơ bản hài lòng về điều kiện làm việc, thời gian làm việc cũng như trang thiết bị phục vụ công việc.

- Thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty cao hơn mức thu nhập bình quân của khu vực.

1.1.2. Tác động xã hội bên ngoài

Công ty đã chú trọng và thực hiện tốt các vấn đề xã hội liên quan đến địa bàn được giao quản lý, cụ thể:

- Tôn trọng quyền lợi của người dân địa phương.
- Phân vùng để người dân có thể khai thác, thu hái lâm sản phụ như: rau búp, măng, củ... theo quy định.
- Công ty đã kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý; phối hợp với chính quyền địa phương (UBND xã, thôn) và các cơ quan liên quan rà soát các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, từ đó tạo thêm việc làm thông qua các hoạt động như: giao khoán bảo vệ rừng, hợp đồng trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và khai thác rừng.

1.2. Khuyến nghị, giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục duy trì mức lương cho cán bộ, công nhân viên; đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước.
- Tổ chức tập huấn định kỳ cho toàn thể cán bộ, công nhân viên về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC®.
- Tất cả cán bộ, công nhân viên phải được khám sức khỏe định kỳ và tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định.
- Xây dựng văn bản thỏa thuận mang tính nguyên tắc với cộng đồng địa phương về cơ chế giải quyết các mâu thuẫn liên quan đến quyền sở hữu và sử dụng đất, rừng.
- Thỏa thuận với người dân địa phương về những ảnh hưởng có thể phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty và cơ chế bồi thường thiệt hại (nếu có).
- Lập danh mục các kiến thức truyền thống của người dân địa phương với sự tham gia tự nguyện của họ; đồng thời xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích nếu các kiến thức này được sử dụng cho mục đích thương mại.
- Xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn kinh phí hằng năm để tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, khai thác rừng, vệ sinh rừng, làm đất trồng rừng, xây dựng và duy tu đường vận xuất, vận chuyển; đồng thời lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan.
- Xây dựng và thống nhất với cộng đồng địa phương cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp và bồi thường thiệt hại do hoạt động quản lý rừng của Công ty gây ra (nếu có).
- Thống kê diện tích đất lâm nghiệp đang được người dân canh tác; xây dựng cơ chế phối hợp quản lý và sử dụng giữa Công ty và người dân, đồng thời xây dựng quy chế trồng cây lâm nghiệp xen cây nông nghiệp.
- Hằng năm thông báo cho cộng đồng địa phương về kế hoạch sản xuất của Công ty có liên quan đến cộng đồng như: khai thác gỗ, mở đường lâm nghiệp, trồng rừng, tuyển dụng lao động và các chương trình hỗ trợ cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và hệ thống biểu mẫu để giám sát, theo dõi và đánh giá các hoạt động; đồng thời thiết lập quy trình kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất đối với các hoạt động liên quan giữa Công ty và cộng đồng.

2. Tác động môi trường

2.1. Nhận xét, đánh giá

- Bụi, khí thải và tiếng ồn

Các phương tiện và thiết bị phục vụ hoạt động lâm nghiệp của Công ty như xe máy, cưa máy, xe ben, máy cày... có phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn. Tuy nhiên mức độ tác động không đáng kể do đây là những phương tiện và hoạt động phổ biến trong sinh hoạt và sản xuất của người dân địa phương.

- Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước

Trong các hoạt động khai thác và bảo vệ rừng: Công ty thực hiện tốt việc quản lý lán trại, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; thường xuyên kiểm tra và bảo vệ hành lang sông suối; kiểm soát khai thác lâm sản trái phép và chăn thả gia súc. Nhờ đó phần lớn đã hạn chế được các nguồn phát tán vi khuẩn E.coli vào nguồn nước.

Chất thải dầu mỡ phát sinh trong quá trình bảo dưỡng và sửa chữa cưa máy tại lán trại hoặc trong rừng. Công ty sử dụng bạt chống thấm và mùng cưa lót phía dưới khi sửa chữa nhằm hạn chế dầu nhớt thấm xuống đất và gây ô nhiễm môi trường.

- Tài nguyên đa dạng sinh học

Trong khu vực quản lý vẫn còn một số loài thực vật rừng quý hiếm như thông tre và xá xị với số lượng ít. Các loài này đã được xác định vị trí phân bố và có biện pháp bảo vệ.

Diện tích rừng tự nhiên, đặc biệt là rừng có giá trị bảo tồn cao, được bảo vệ tốt; góp phần duy trì nguồn nước sinh hoạt cho người dân và bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh tại các suối, sông và ao hồ.

- Phát triển kinh tế – xã hội địa phương

Sự gia tăng dân số và nhu cầu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp có thể làm gia tăng nguy cơ xâm lấn đất rừng, đốt nương làm rẫy và khai thác lâm sản trái phép. Nếu công tác quản lý và bảo vệ rừng không được thực hiện hiệu quả và không đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người dân và chủ rừng, nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường rừng sẽ gia tăng.

2.2. Khuyến nghị, giải pháp trong thời gian tới

Tiếp tục duy trì và phát huy các kết quả đã đạt được, đồng thời thực hiện các giải pháp sau:

- Giảm thiểu tác động môi trường từ hệ thống đường lâm nghiệp

+Lập kế hoạch xây dựng và nâng cấp các tuyến đường lâm nghiệp nhằm phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra rừng và vận chuyển lâm sản.

+Thiết kế và xây dựng đường đảm bảo hạn chế tối đa tác động đến môi trường và tuân thủ các tiêu chuẩn liên quan đến rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF).

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống đường khi bị hư hỏng, xói mòn hoặc sạt lở.

+ Sau khai thác, nếu đường vận xuất và vận chuyển bị hư hỏng, Phòng Kỹ thuật cần lập kế hoạch nâng cấp, sửa chữa hoặc đóng đường trước mùa mưa.

- Giảm thiểu tác động môi trường trong trồng và chăm sóc rừng trồng

+ Áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp để đảm bảo cây trồng sinh trưởng tốt và nâng cao hiệu quả kinh tế từ rừng trồng.

+ Khi xử lý thực bì phải chừa lại các cây gỗ mục đích, cây tái sinh có giá trị và các loài quý hiếm.

+ Thực hiện đốt trước có kiểm soát, tuân thủ các quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy rừng.

+ Thiết lập đường ranh cản lửa phù hợp với điều kiện địa hình và trạng thái rừng.

+ Giảm thiểu tác động môi trường trong khai thác rừng trồng

+ Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình khai thác tác động thấp.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân khai thác.

+ Thiết lập các khu vực thu gom rác thải tại bãi tập kết gỗ và khu lán trại công nhân.

+ Sau khai thác phải tiến hành kiểm tra, nghiệm thu hiện trường để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và môi trường.

- Giảm thiểu tác động từ chăn thả gia súc

+ Tăng cường tuyên truyền và vận động người dân địa phương thực hiện bảo vệ rừng.

+ Ký cam kết với các hộ dân sống ven rừng về việc không chăn thả gia súc trong khu vực rừng.

+ Bổ sung và duy trì hệ thống bảng tuyên truyền, biển báo và biển cấm trong khu vực rừng.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó rủi ro

+ Thiết kế trồng và khai thác rừng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn môi trường.

+ Tăng cường giám sát các khu rừng có giá trị bảo tồn cao, đặc biệt là khu vực đầu nguồn, hành lang suối và các khu vực dễ sạt lở.

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người dân địa phương thông qua các cuộc họp và hội nghị thường niên.

+ Phân công trách nhiệm cụ thể cho cán bộ và các đơn vị trực thuộc trong công tác bảo vệ môi trường.

+ Yêu cầu các đơn vị thi công thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến môi trường và an toàn lao động.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá tác động môi trường và xã hội của các hoạt động lâm nghiệp 02 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn do Công ty quản lý, để phục vụ đánh giá FSC nhằm duy trì chứng chỉ rừng bền vững (FSC®).

Nơi nhận:

- Tổ chức GFA;
- Chủ tịch HĐQT;
- BGD Công ty;
- Kiểm soát viên;
- UBND các xã: Di Linh, Sơn Điền;
- Lưu: VP, KT-QLBVR.

GIÁM ĐỐC



Trương Văn Hiếu